

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 90/2019/DS-ST
Ngày 02 tháng 8 năm 2019
V/v “Tranh chấp tiền hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Văn Năm** - Ông **Trịnh Văn Điệp**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Nga Muội** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc “*Tranh chấp tiền hụi*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Ngô Hằng M**, sinh năm 1991 (Có mặt). Trú tại: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Bà **Huỳnh Thu P**, sinh năm 1977 (Vắng mặt).

Ông **Trịnh Văn L**, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Cùng trú tại: Ấp C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Ngô Hằng M trình bày: Vào ngày 25/11/2016 âm lịch, chị có tham gia 03 chung hụi do bà Huỳnh Thu P làm chủ hụi, loại hụi 12.000.000 đồng/năm, hụi có 13 chung, định kỳ 6 tháng khai 1 lần. Dây hụi này, đến ngày 25/11/2022 âm lịch là mãn hụi. Từ ngày 25/11/2016 âm lịch, đến thời điểm ngày 25/12/2017 âm lịch, chị đã đóng hụi cho bà P 3 lần với số tiền 54.000.000 đồng (3 lần x 6.000.000 đồng = 18.000.000 đồng x 3 chung = 54.000.000 đồng). Thời gian đầu, bà P làm tốt vai trò là chủ hụi, nhưng đến tháng 5/2018 âm lịch, bà P tuyên bố bẻ hụi. Chị có đến gặp bà P về việc chị đã đóng 3 lần hụi sống và đề nghị trả lại, nhưng bà P không trả. Do, hiện nay bà P và ông L đã ly hôn, còn khoản tiền mà chị đã đóng 3 lần với số tiền 54.000.000 đồng thì bà P và ông L chưa thanh toán lại. Nay, chị khởi kiện yêu cầu bà P và ông L có trách nhiệm trả cho chị số tiền trên.

Bị đơn bà Huỳnh Thu P trình bày: Tại Bản tự khai ngày 05/7/2019, bà P thống nhất với ý kiến trình bày của chị M, về thời gian mở hụi, khai hụi, đóng hụi và thống

nhất còn thiếu tiền nợ hui của chị M số tiền 54.000.000 đồng. Bà thống nhất trả cho chị M số tiền nêu trên.

Đối với bị đơn ông Trịnh Văn L. Khi thụ lý, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông L vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Huỳnh Thu P và ông Trịnh Văn L, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

Do, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền hui, nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là: “Tranh chấp tiền hui” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 31 - Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hui, họ, biêu, phường. Bị đơn bà Huỳnh Thu P và ông Trịnh Văn L có nơi cư trú tại địa bàn huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật áp dụng: Do giao dịch hui giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện xong trước ngày 01/01/2017, ngày Bộ luật dân sự năm 2017 có hiệu lực mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2017.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 25/11/2016 âm lịch, chị M có tham gia 03 chung hui, loại hui 12.000.000 đồng/năm, định kỳ 6 tháng khai 1 lần. Đây hui phía chị M tham gia chơi do bà P là chủ hui đến ngày 25/11/2022 âm lịch mãn hui. Từ ngày 25/11/2016 âm lịch đến ngày 25/12/2017 âm lịch, chị M đã đóng hui sống cho bà P 3 lần với số tiền 54.000.000 đồng (3 lần x 6.000.000 đồng x 3 chung) thì bà P tuyên bố bẻ hui. Tuy, bà P vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại Bản tự khai ngày 05/7/2019, bà P trình bày với nội dung đúng như chị M đã khởi kiện, đồng thời bà P xác định chị M có đóng hui sống 3 lần với số tiền 54.000.000 đồng, bà P chưa thanh toán cho chị M và không yêu cầu điều chỉnh gì thêm. Do đó, lời thừa nhận này là chứng cứ có thật theo quy định Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xét, việc tham gia chơi hui giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, việc này có xảy ra trên thực tế và các bên đã thừa nhận. Bà P không thực hiện đúng của người chủ hui, đồng thời bà P tuyên bố bẻ hui là lỗi của bà P, chị M vẫn đóng đủ hui sống cho bà P. Như vậy, bà P đã vi phạm nghĩa vụ cũng như không thực hiện đúng trách nhiệm của chủ hui cho nên căn cứ Điều 14, 15, 17, 19, 21, 22, 29, Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hui, họ, biêu, phường, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M.

[4] Về trách nhiệm trả nợ: Tại Bản án Hôn nhân và gia đình số: 29/2019/HNGĐ-ST ngày 21/02/2019 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, giải quyết đã không công nhận bà P và ông L là vợ chồng, nhưng thực tế tại thời điểm bà P mở dây hui, tức ngày 25/11/2016 âm lịch, bà P và ông L vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân. Thực tế, bà P vẫn còn sống chung với gia đình ông L tại ấp Chổng Mỹ, xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Do, giao dịch hui giữa chị M với bà P, ông L là trong thời kỳ hôn nhân giữa bà P, ông L. Nên, cần buộc ông L và bà P có trách nhiệm liên đới trả cho chị M mỗi người $\frac{1}{2}$ số tiền, là phù hợp theo khoản 2 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà P và ông L, mỗi người phải chịu 5% án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với số tiền buộc trả cho nguyên đơn. Chị M được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 476; Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 14, 15, 17, 19, 21, 22, 29, Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hui, họ, biên, phường; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Hằng M về việc yêu cầu bà Huỳnh Thu P và ông Trịnh Văn L liên đới trả tiền hui với số tiền 54.000.000 đồng.

Buộc bà Huỳnh Thu P và ông Trịnh Văn L liên đới trả cho chị Ngô Hằng M tiền hui số tiền 54.000.000 đồng (Trong đó: bà Huỳnh Thu P phải trả cho chị Ngô Hằng M số tiền: 27.000.000 đồng; ông Trịnh Văn L phải trả cho chị Ngô Hằng M số tiền: 27.000.000 đồng).

Kể từ ngày chị Ngô Hằng M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Huỳnh Thu P và ông Trịnh Văn L không thi hành xong khoản tiền trên, bà Huỳnh Thu P và ông Trịnh Văn L còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Về án phí: Buộc bà Huỳnh Thu P và ông Trịnh Văn L phải chịu 5% (án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch) với số tiền: 2.700.000 đồng (Trong đó: Bà P phải nộp số tiền: 1.350.000 đồng (chưa nộp), ông L phải nộp số tiền: 1.350.000 đồng (chưa nộp). Chị Ngô Hằng M được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.350.000

đồng theo biên lai thu số 0003075 ngày 08/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Án xử sơ thẩm công khai: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lâm Thành Quang